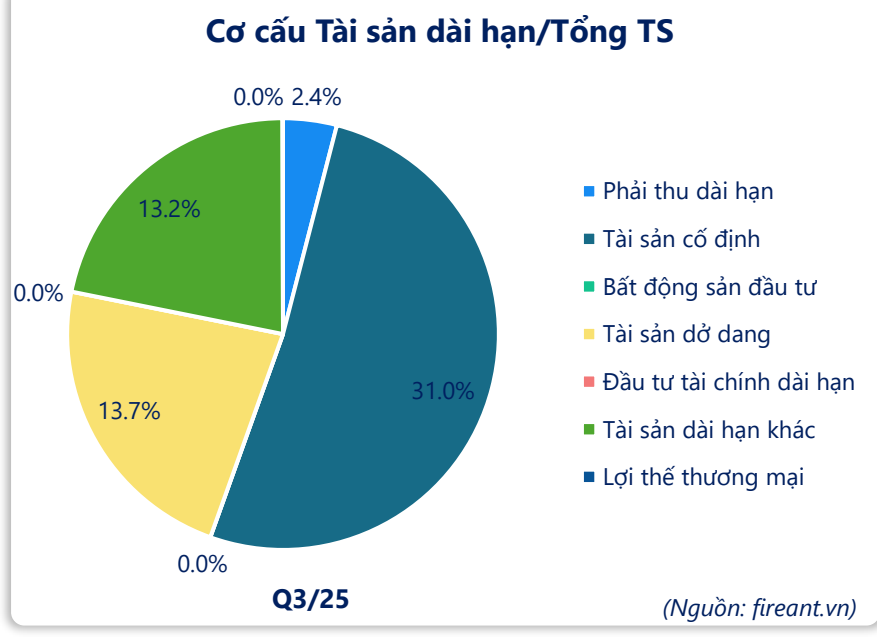
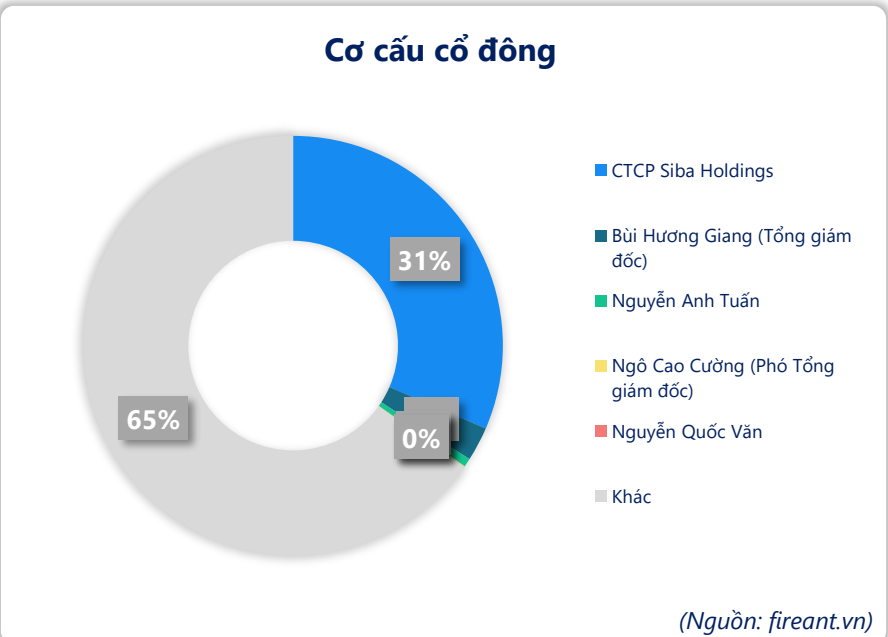
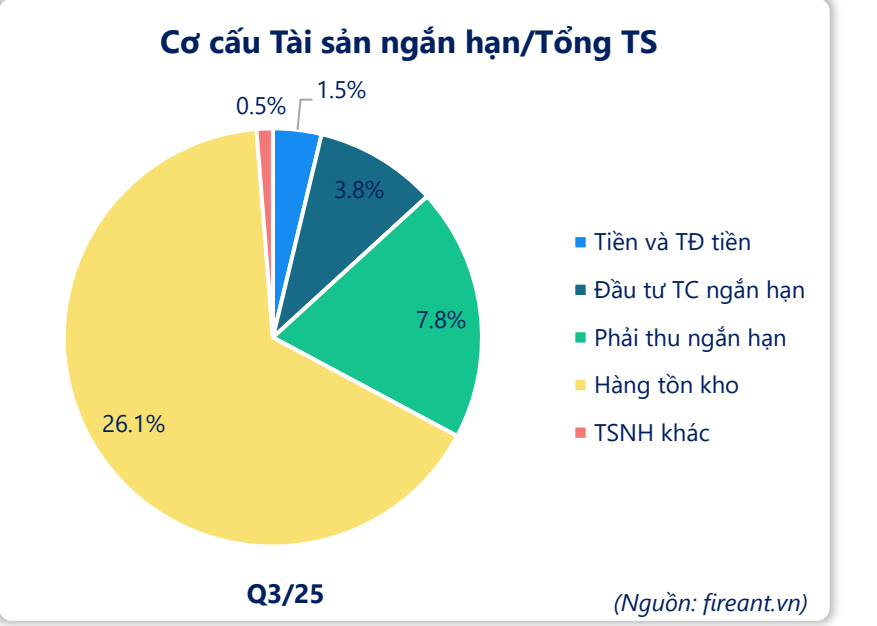
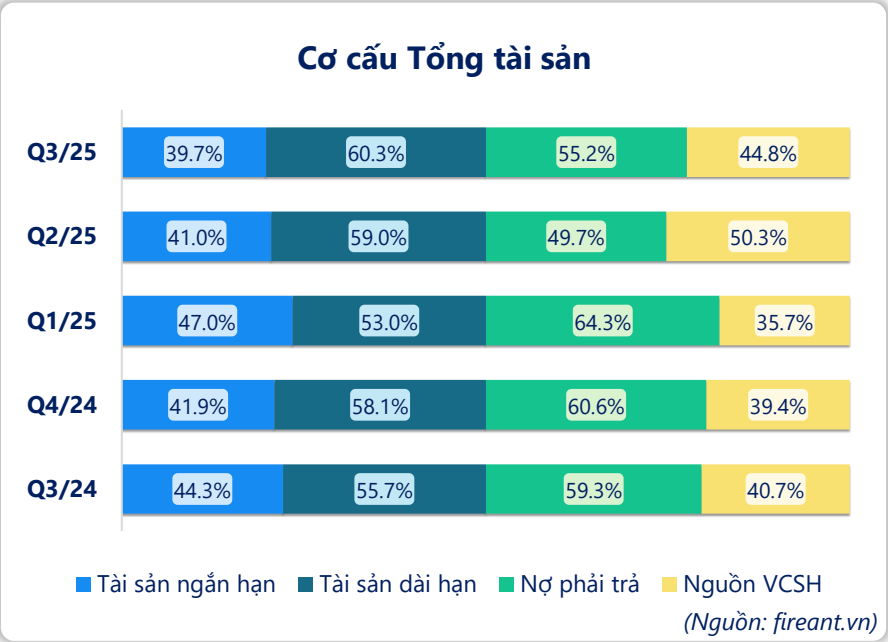
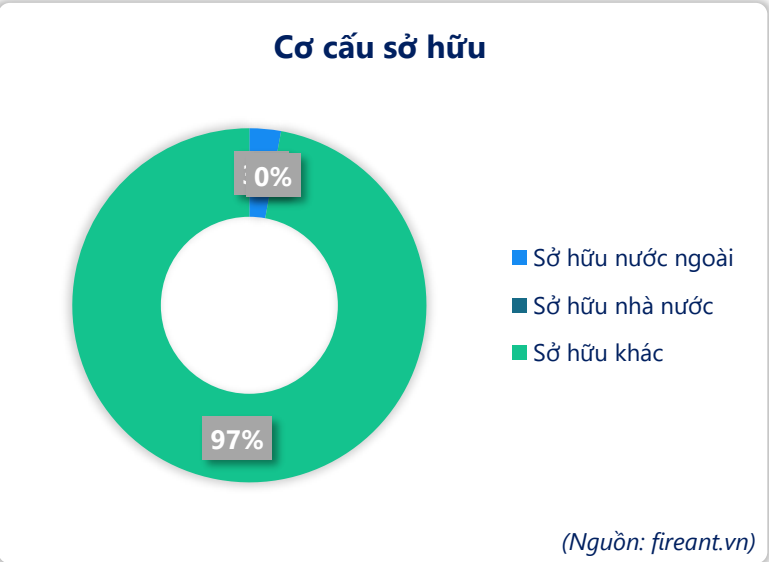
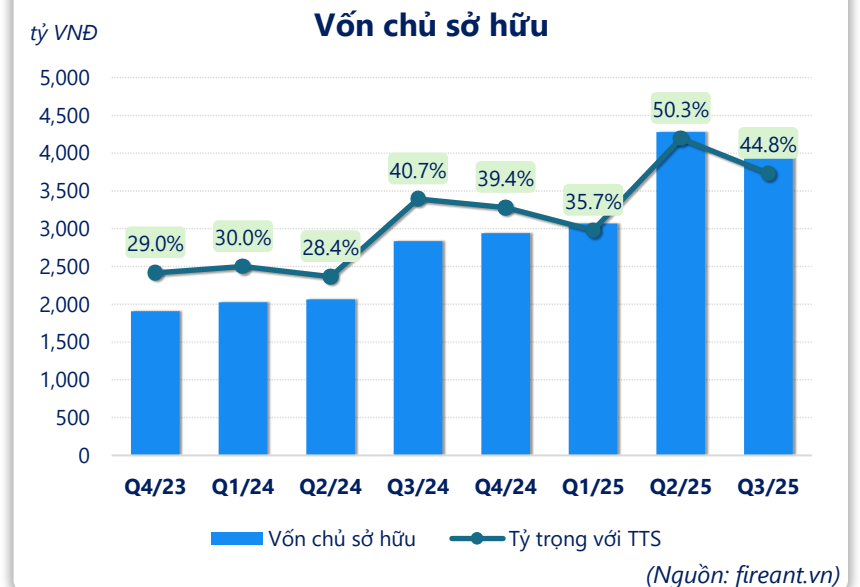
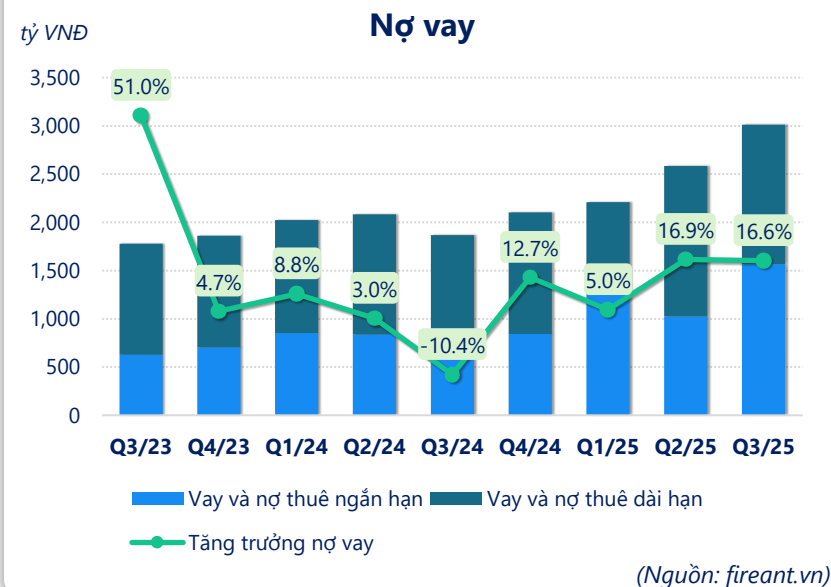
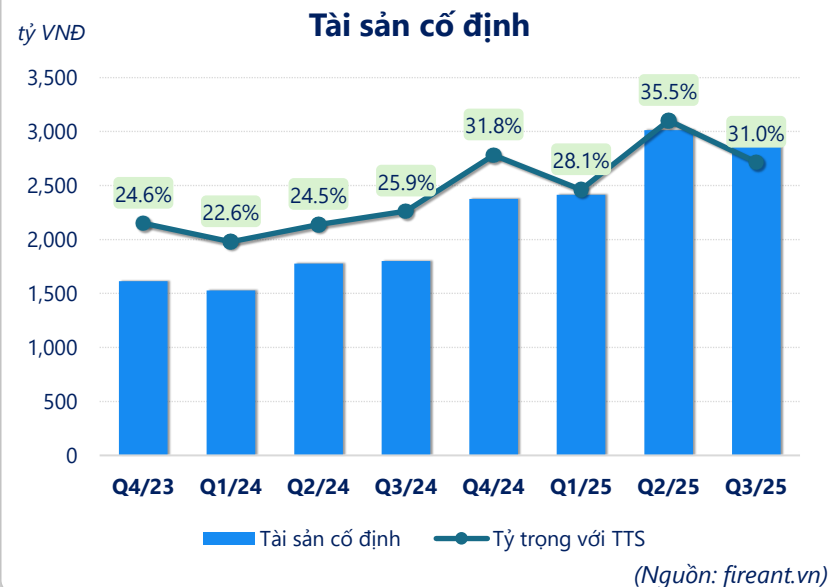
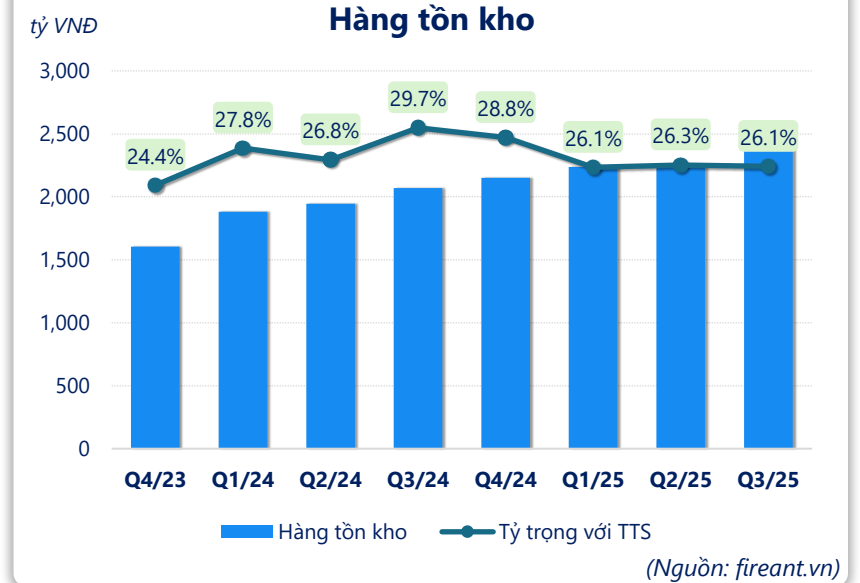
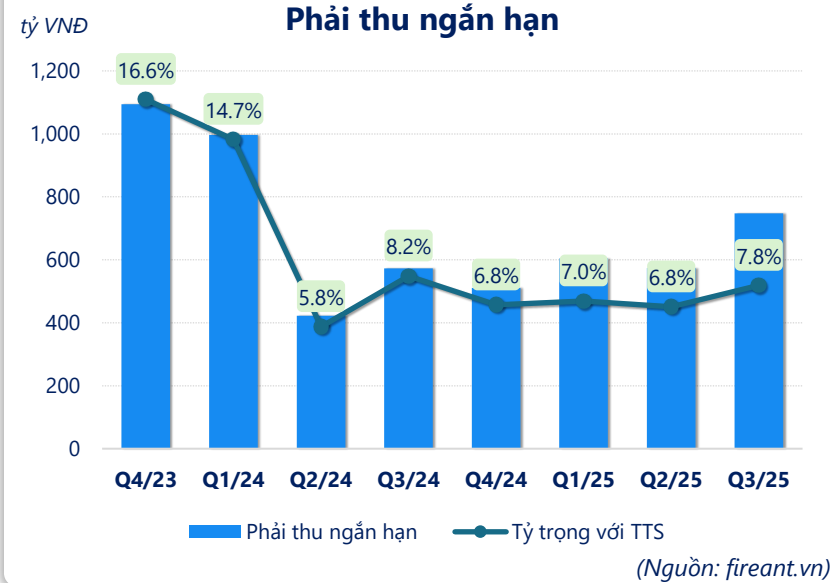
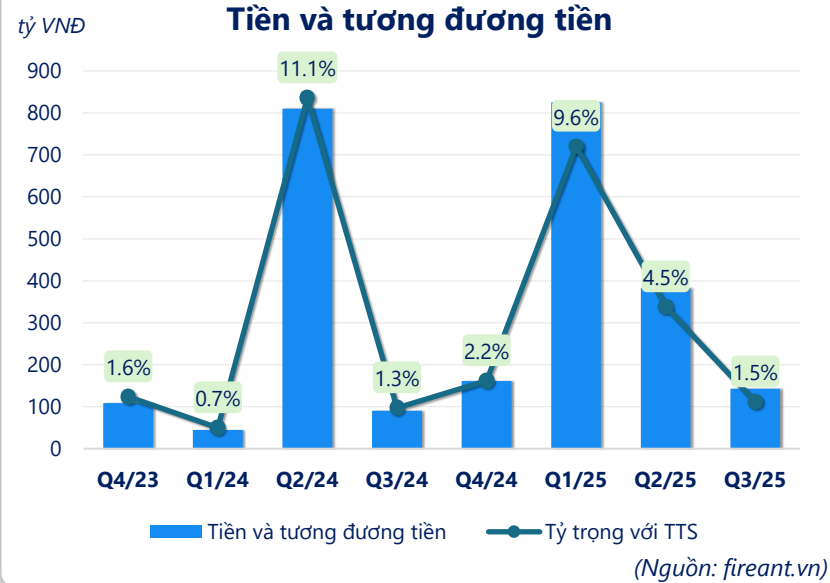
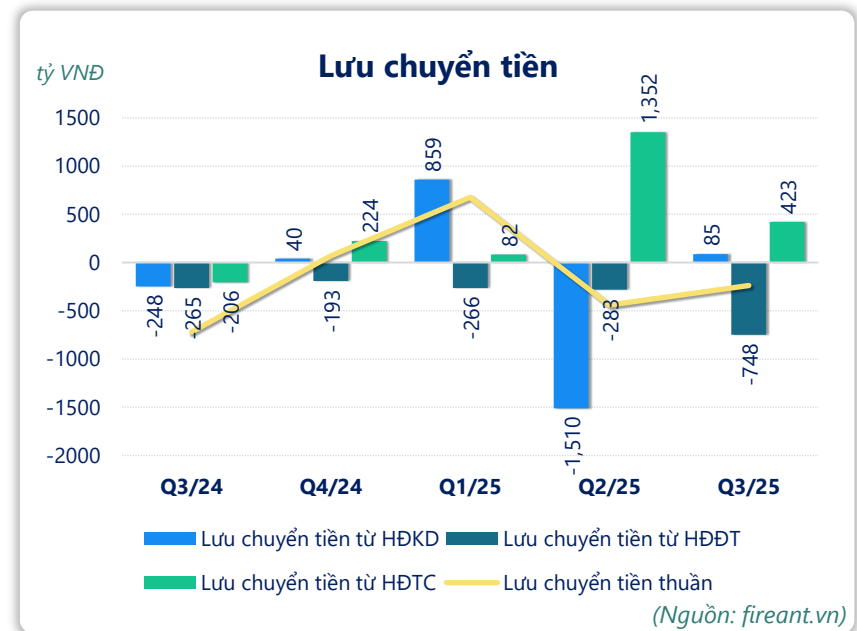
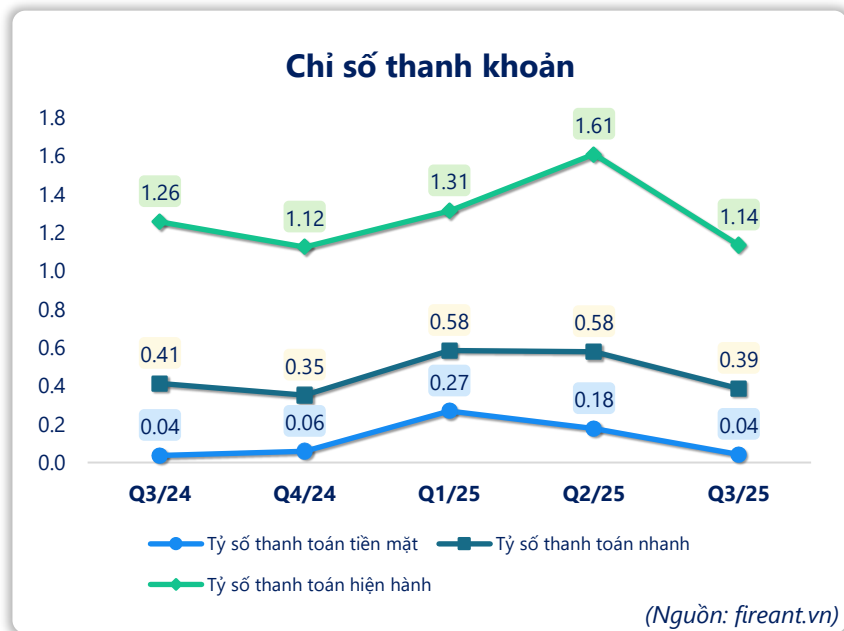
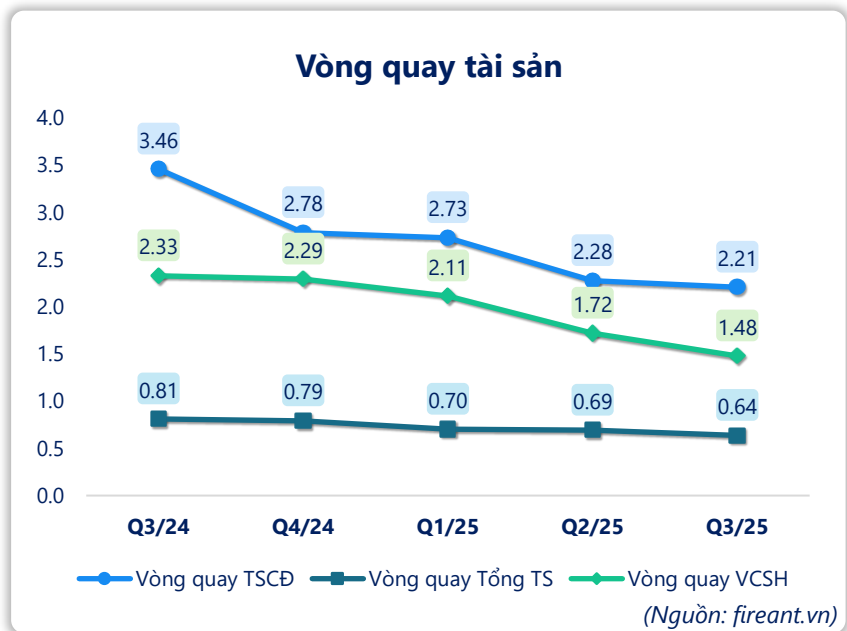
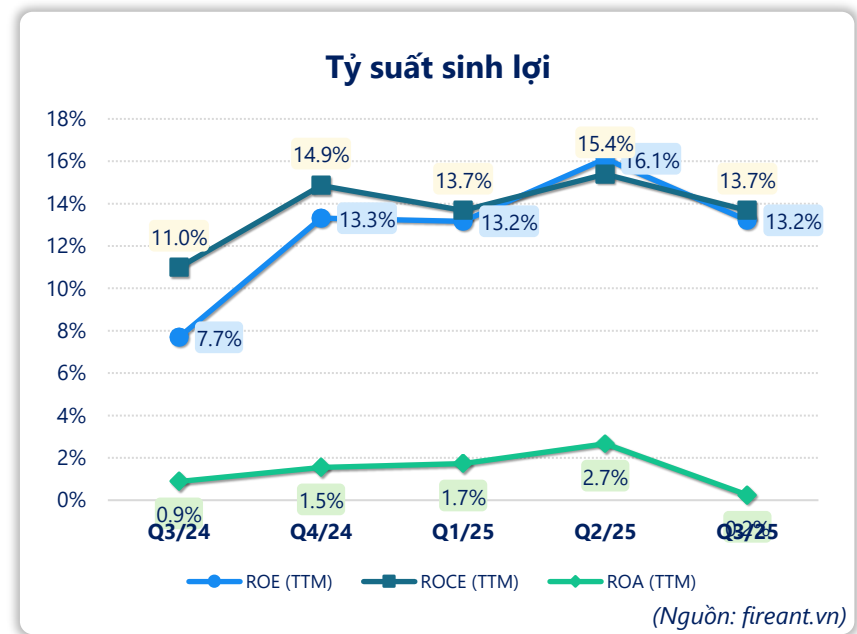
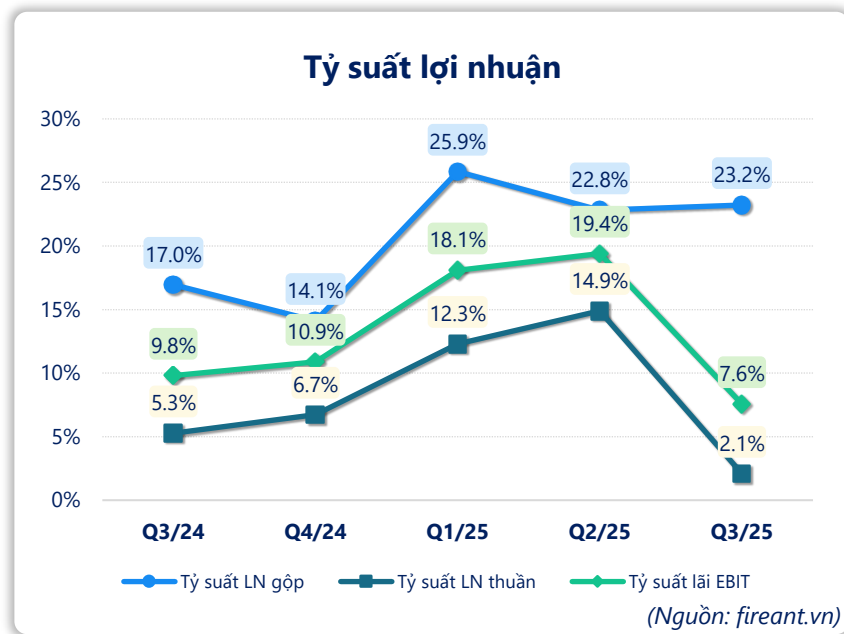
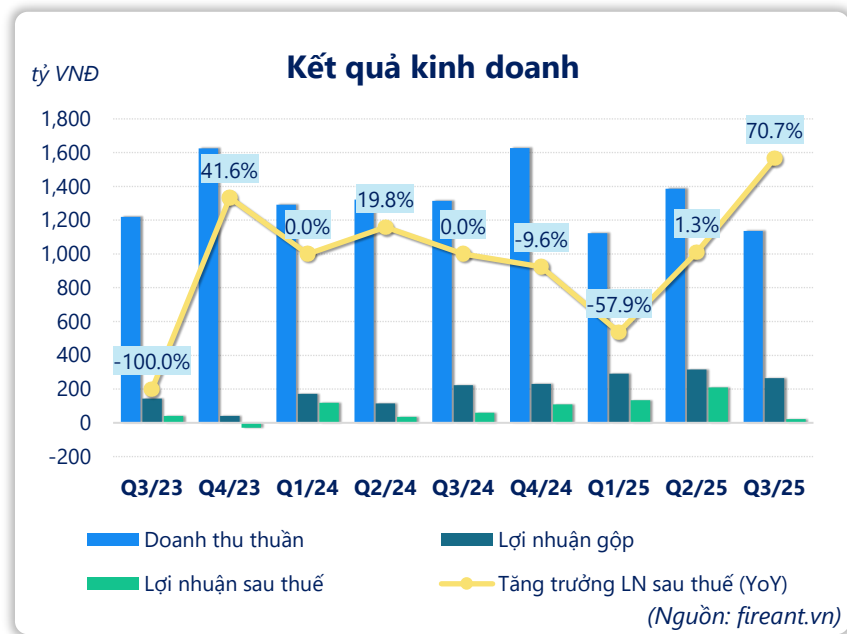


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		34,750
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		38,050
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		21,450
SL cổ phiếu LH		304,021,642
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,583,115
% sở hữu nước ngoài		2.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		10,565
P/E		22.4
EPS		1,551

	YTD	1T	3T	6T
BAF	24.6%	0.1%	2.4%	8.9%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	9,606	7,449	29.0%
Tài sản ngắn hạn	3,811	3,081	23.7%
Tiền và tương đương tiền	143	149	-4.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	361	291	24.1%
Phải thu ngắn hạn	747	444	68.3%
Hàng tồn kho	2,512	2,156	16.5%
Tài sản ngắn hạn khác	48.0	41.2	16.5%
Tài sản dài hạn	5,795	4,368	32.7%
Phải thu dài hạn	233	224	4.3%
Tài sản cố định	2,981	2,394	24.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,315	892	47.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1,264	856	47.6%
Lợi thế thương mại	2.24	2.16	3.7%
Nợ phải trả	5,304	4,513	17.5%
Nợ ngắn hạn	3,357	3,065	9.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,567	1,139	37.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,585	1,771	-10.5%
Nợ dài hạn	1,947	1,449	34.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,446	965	49.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	4,302	2,936	46.5%
Vốn chủ sở hữu	4,302	2,936	46.5%
Vốn điều lệ	3,040	2,390	27.2%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	1,314	1,627	1,124	1,387	1,136
Giá vốn hàng bán	1,091	1,397	833	1,070	872
Lợi nhuận gộp	223	230	290	316	264
Doanh thu HĐTC	4.09	4.49	4.27	5.99	5.18
Chi phí TC	55.1	58.4	67.7	66.4	67.9
Chi phí lãi vay	61.3	58.6	62.2	56.8	59.5
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	68.2	19.8	35.8	-2.81	107
Chi phí QLDN	34.5	46.3	52.9	52.1	70.2
LN thuần từ HĐKD	69.1	109	138	207	23.7
Lợi nhuận khác	-1.66	9.14	2.70	5.70	2.73
LN trước thuế	67.5	119	141	212	26.4
Lợi nhuận sau thuế	60.0	109	134	209	22.5
LNST của CĐ cty mẹ	60.4	108	132	210	20.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-248	39.6	859	-1,510	84.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-265	-193	-266	-283	-748
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-206	224	82.2	1,352	423
Tiền đầu kỳ	810	90.3	149	825	383
Lưu chuyển tiền thuần	-719	70.8	676	-442	-240
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.03	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	90.3	161	825	383	143

(Nguồn: fireant.vn)